

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TỈNH HÒA BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 394/2024/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 28 tháng 6 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục  
phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH  
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục

nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, Trung tâm giáo dục thường xuyên, các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

**Điều 2.** Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập

### 1. Khu vực 1: Thành phố Hòa Bình và huyện Lương Sơn.

Cấp học		Khu vực	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	59.000
	Mẫu giáo	Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	58.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	55.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
	Nhà trẻ	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	51.000
	Mẫu giáo	Các xã thuộc huyện Lương Sơn	49.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	55.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	54.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	51.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả giáo dục thường xuyên)		Các phường thuộc thành phố Hòa Bình và thị trấn Lương Sơn	59.000
		Các xã thuộc thành phố Hòa Bình	58.000
		Các xã thuộc huyện Lương Sơn	55.000

2. Khu vực 2: Huyện Cao Phong, huyện Tân Lạc, huyện Yên Thủy, huyện Lạc Thủy.

Cấp học		Vùng	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	50.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	47.000
	Nhà trẻ	Các xã	43.000
	Mẫu giáo	Các xã	39.000
Trung học cơ sở (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	47.000
		Các xã	42.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả Giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	47.000
		Các xã	42.000

3. Khu vực 3: Huyện Lạc Sơn, huyện Kim Bôi, huyện Mai Châu và huyện Đà Bắc.

Cấp học		Khu vực	Mức học phí (Đồng/tháng/học sinh)
Mầm non	Nhà trẻ	Thị trấn	41.000
	Mẫu giáo	Thị trấn	38.000
	Nhà trẻ	Các xã	34.000
	Mẫu giáo	Các xã	33.000
Trung học cơ sở bao gồm cả giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	38.000
		Các xã	34.000
Trung học phổ thông (bao gồm cả giáo dục thường xuyên)		Thị trấn	41.000
		Các xã	38.000

4. Mức học phí được quy định tại Nghị quyết này giữ ổn định từ năm học 2024-2025 cho đến khi Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản mới quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

**Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 7 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ GD&ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL. Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND (Tu).

**CHỦ TỊCH****Bùi Đức Hình**